

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2024.

V/v *Tranh chấp ly hôn*.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG - TỈNH HÒA BÌNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Thịnh;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh T và ông Đỗ Quốc Kỳ;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Thành Đạt - Thư ký Tòa án;

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thanh L, sinh năm: 1982 (*Vắng mặt có lý do*);
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973 (*Vắng mặt không có lý do*);

Cùng cư trú tại: Xóm Nam Thành, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, Hòa Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại phiên tòa ngày hôm nay theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị Đặng Thanh L trình bày như sau:*

\* *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi có kết hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình ngày 08/3/2001. Sau khi kết hôn và chung sống cùng nhau thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được 05 (Năm) năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T đi làm ăn xa ít khi về nhà. Thời gian đầu anh T còn gửi tiền về chăm lo cho con cái và gia đình nhưng về sau anh T không gửi tiền về phụ giúp gia đình cũng như không quan tâm lo lắng đến vợ con nữa. Nhiều lần hai vợ chồng có ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm vì tương lai của con cái nhưng đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi vã chửi bới lẫn nhau, không ai tôn trọng ai. Anh T ngày càng không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, đến năm 2021 vợ chồng tôi sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhiều lần tôi có liên lạc với anh T qua điện thoại khuyên anh T về địa pH sinh sống và làm ăn nhưng anh T không chịu sau đó còn lăng mạ, chửi bới và xúc phạm tôi. Nay tôi thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống hôn nhân rạn nứt cũng không thể hàn gắn được nữa. Tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

\* *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 (Hai) con chung tên là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 30/6/2005. Hiện hai cháu đang sống cùng tôi, phát triển bình thường và đã đủ 18 (Mười tám) tuổi nên về phần con chung tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Về tài sản chung*: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Về, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng “Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa” nhưng không có kết quả, anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

2. *Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại Công an xã Nam Phong, chính quyền địa pH nơi cư trú và gia đình chị Đặng Thanh L, anh Nguyễn Văn T với nội dung:*

Chị Đặng Thanh L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, ngày 08/3/2001. Sau một thời gian chung sống cùng nhau thì vợ chồng chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh T đi làm ăn xa không khai báo với chính quyền địa pH, anh T cũng không nói với gia đình đi đâu làm gì, anh T rất ít khi về nhà mỗi lần về chỉ tranh thủ rồi lại đi.

Chị L và anh T có 02 (Hai) con chung tên là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 30/6/2005. Hiện hai cháu đang sống cùng chị L, phát triển bình thường và đã đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh T đi làm ăn xa, thường xuyên đi vắng khỏi địa pH thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi, mỗi lần anh T về nhưng không khai báo với chính quyền địa pH đi đâu làm gì, anh T giấu diếm địa chỉ. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

\* *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

\* *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

\* *Về con chung*: Vợ chồng chị L anh T có 02 (Hai) con chung tên là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 30/6/2005.

Hiện hai cháu đang sống cùng chị L, phát triển bình thường và đã đủ 18 (*Mười tám*) tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

\* *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

\* *Về công nợ chung*: Chị L xác nhận không có công nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

\* *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Đặng Thanh L khởi kiện anh Nguyễn Văn T là vụ án dân sự tranh chấp “*Ly hôn*” căn cứ vào giấy xác nhận thông tin về cư trú, anh T có nơi cư trú tại xóm Nam Thành, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 14/10/2024, nguyên đơn chị Đặng Thanh L có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do (*Vắng mặt lần thứ nhất*) nên Hội đồng xét xử hoãn xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đặng Thanh L (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*) bị đơn anh Nguyễn Văn T, vắng mặt không có lý do (*Vắng mặt lần thứ 2*). Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thanh L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị L cho thấy, quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc. Anh T không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho vợ con. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống, cãi vã không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị sống ly thân đã lâu.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thanh L là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 39 Luật dân sự.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có 02 (*Hai*) con chung tên là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 30/6/2005. Hiện hai cháu đang sống cùng chị L và đã đủ 18 (*Mười tám*) tuổi, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ chung: Chị L xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Đặng Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 02 (*Hai*) con chung tên là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 30/6/2005. Hiện hai cháu đang sống cùng chị L, phát triển bình thường và đã đủ 18 (*Mười tám*) tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Đặng Thanh L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002923 ngày 08/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, chị L đã nộp đủ án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đức Thịnh**